

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; số lượng trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, góp phần chuyên biến tích cực trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (viết tắt là PCCC và CNCH) trên địa bàn tỉnh.

- Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm đẩy mạnh việc thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật, văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác PCCC và CNCH, gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm huy động tối đa các nguồn lực đối với công tác PCCC và CNCH, góp phần bảo đảm tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Xác định và cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ để tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả; nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng phải bảo đảm theo đúng định mức quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của địa phương để lực lượng dân phòng

thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ PCCC và CNCH theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Đối với chính sách trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng cần xây dựng lộ trình cụ thể, đảm bảo điều kiện về tài chính để mua sắm, trang bị phương tiện PCCC và CNCH theo đúng tiến độ đề ra.

II. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Công an tỉnh:

- Kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh biết, chỉ đạo; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng phương tiện PCCC và CNCH của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định hiện hành.

- Hàng năm, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp số lượng, nhu cầu kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính để tổng hợp, xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH đối với lực lượng dân phòng trên địa bàn nhằm nâng cao năng lực, trình độ và khả năng xử lý tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố ngay từ khi mới phát sinh.

2. Sở Tài chính phối hợp với Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn quản lý.

- Căn cứ các quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng dự toán và phân bổ kinh phí hỗ trợ thường xuyên đối với chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn; chủ động cân đối ngân sách của địa phương theo phân cấp để bố trí trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng trên địa bàn quản lý.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện việc hỗ trợ kinh phí thường xuyên đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại các thôn, tổ dân phố đảm bảo quy định hiện hành.

- Xây dựng kế hoạch trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng trên địa bàn theo lộ trình cụ thể từng năm; ưu tiên trang bị phương tiện cho các Đội dân phòng ở các thôn, tổ dân phố có khu dân cư nguy hiểm cháy, nổ cao, thường xuyên xảy ra cháy, nổ và nơi có đặt trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong giai đoạn từ năm 2023-2025 (*Danh sách các thôn, tổ dân phố theo Phụ lục đính kèm*).

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, thành lập và kiện toàn Đội dân phòng tại địa phương, đảm bảo 100% các thôn, tổ dân phố phải thành lập Đội dân phòng theo quy định; xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí phục vụ việc bảo trì, sửa chữa, thay thế phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng sau khi đã được trang bị; bố trí nơi bảo quản phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng bảo đảm an toàn và sử dụng hiệu quả, lâu bền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ (*hoặc đột xuất*), tổng hợp và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để theo dõi, chỉ đạo.

2. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo đề các cơ quan, đơn vị và địa phương biết, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Công an tỉnh (t/h);
- Sở Tài chính (t/h);
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh (p/h);
- UBND các huyện, thành phố (t/h);
- Văn phòng UBND tỉnh (p/h);
- Lưu: VT, NC_{LTD}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục

Danh sách thôn, tổ dân phố ưu tiên trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong giai đoạn 2023-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 2666 /KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Địa bàn phường, xã	Thôn, tổ dân phố
I	Địa bàn thành phố Kon Tum	
1	Phường Thắng Lợi	Tổ dân phố 1
2		Tổ dân phố 2
3		Tổ dân phố 3
4		Tổ dân phố 6
5	Phường Lê Lợi	Tổ dân phố 1
6		Tổ dân phố 2
7		Tổ dân phố 3
8		Tổ dân phố 4
9		Tổ dân phố 5
10	Phường Trần Hưng Đạo	Tổ dân phố 3
11		Tổ dân phố 4
12	Phường Quang Trung	Tổ dân phố 1
13		Tổ dân phố 2
14		Tổ dân phố 3
15		Tổ dân phố 4
16		Tổ dân phố 5
17		Tổ dân phố 6
18		Tổ dân phố 7
19		Tổ dân phố 8
20		Tổ dân phố 9
21		Tổ dân phố 10
22		Tổ dân phố 12
23		
24	Phường Nguyễn Trãi	Tổ dân phố 3
25		Tổ dân phố 5
26	Phường Ngô Mây	Tổ dân phố 1
27		Tổ dân phố 2
28		Tổ dân phố 3
29		Thôn Thanh Trung
30	Phường Quyết Thắng	Tổ dân phố 1
31		Tổ dân phố 2
32		Tổ dân phố 3
33		Tổ dân phố 4
34		Tổ dân phố 5
35		Tổ dân phố 6
36		Tổ dân phố 7
37		Tổ dân phố 8

38	Phường Trường Chinh	Kon Tu 2
39		Tổ dân phố 5
40	Phường Duy Tân	Tổ dân phố 1
41		Tổ dân phố 5
42		Tổ dân phố 8
43		Phường Thông Nhất
44	Xã Đoàn Kết	Thôn 5
45	Xã Ia Chim	Thôn Tân An
46		Thôn Lâm Tùng
47		Thôn Nghĩa An
48	Xã Hòa Bình	Thôn 2
49		Thôn 4
50	Xã Kroong	Thôn 2
51	Xã Đăk Năng	Thôn Lei Rơ Wăk
52	Xã Đăk Câm	Thôn 8
53	Xã Chư Hreng	Thôn Đăk Prông
54	Xã Đăk Rơ Wa	Thôn Kon Tum Kơ Pong
55	Xã Đăk Blà	Thôn Kon Tu 2
56	Xã Ngọc Bay	Thôn Măng La
57	Xã Vinh Quang	Thôn Phương Quý 2
II	Địa bàn huyện Sa Thầy	
1	Thị trấn Sa Thầy	Thôn 1
2		Làng Kà Đừ
3	Xã Mo Rai	Làng Ka Đin
4	Xã Sa Nhơn	Thôn Nhơn Khánh
5	Xã Hơ Moong	Thôn Đăk Wok
6	Xã Yaxier	Thôn YaDe
7	Xã Yaly	Làng Chứ
8	Xã Sa Nghĩa	Làng Nghĩa Dững
9	Xã Sa Bình	Thôn Bình Đông
10	Xã Ya Tăng	Làng Lút
11	Xã Sa Sơn	Thôn 1
12	Xã Rờ Koi	Thôn 1
III	Địa bàn huyện Kon Rẫy	
1	Thị trấn Đăk Rơ Ve	Thôn 1
2		Thôn 9
3	Xã Tân Lập	Thôn 2
4	Xã Đăk Ruông	Thôn 9
5	Xã Đăk Tờ Re	Thôn 4
6		Thôn 7
7	Xã Đăk Tơ Lung	Thôn 4
8	Xã Đăk Kôi	Thôn 4
9	Xã Tân Lập	Thôn 3
10	Xã Đăk Pnê	Thôn 2
11	Thị trấn Đăk Rve	Thôn 2
IV	Địa bàn huyện Kon Plông	
1	Thị trấn Măng Đen	Tổ dân phố 1

2		Tổ dân phố 2
3		Tổ dân phố 3
4		Tổ dân phố 4
5	Xã Măng Bút	Thôn Măng Bút
6	Xã Đăk Tăng	Thôn Vi Lây
7	Xã Măng Cành	Thôn Kon Chênh
8	Xã Ngọc Tem	Thôn Diék Not A
9	Xã Đăk Rìng	Thôn Vác Y Nhông
10	Xã Đăk Nêñ	Thôn Đăk Lúp
11	Xã Pờ Ê	Thôn Vi KTàu
12	Xã Hiêu	Thôn Vi Chrinh
V	Địa bàn huyện Ia H'Drai	
1	Xã Ia Toi	Thôn 1
2		Thôn 7
3	Xã Ia Dom	Thôn 1
4	Xã Ia Dal	Thôn 4
VI	Địa bàn huyện Tu Mơ Rông	
1	Xã Đăk Hà	Thôn Mô Pả
2		Thôn Ngọc Leang
3		Thôn Tu Mơ Rông
4	Xã Đăk Tờ Kan	Thôn Đăk Prông
5	Xã Đăk Rơ Ông	Thôn Măng Lỡ
6	Xã Đăk Sao	Thôn Kạch Lớn 2
7	Xã Đăk Na	Thôn Đăk Riếp
8	Xã Tu Mơ Rông	Thôn Tu Mơ Rông
9	Xã Văn Xuôi	Thôn Ba Khen
10	Xã Ngọc Yêu	Thôn Ba Tu 2
11	Xã Ngọc Lây	Thôn Đăk Kinh 1
12	Xã Tê Xăng	Thôn Tân Ba
13	Xã Măng Ri	Thôn Long Láy
VII	Địa bàn huyện Ngọc Hồi	
1	Thị trấn Plei Kần	Tổ dân phố 1
2		Tổ dân phố 2
3		Tổ dân phố 3
4		Thôn 4
5		Tổ 6
6		Thôn 7
7		Thôn Kon Khôn
8	Xã Bờ Y	Thôn Iệc
9		Thôn Măng Tân
10		Thôn Chiên Chiếc
11	Xã Đăk Kan	Thôn Tân Bình
12	Xã Sa loong	Thôn Giang Lô 2
13	Xã Đăk Dục	Thôn Ngọc Hiệp
14	Xã Đăk Nông	Thôn Dục Nội
15	Xã Đăk Ang	Thôn Đăk Giá 1
IX	Địa bàn huyện Đăk Hà	

1	Thị trấn Đăk Hà	Tổ dân phố 3
2		Tổ dân phố 5
3		Tổ dân phố 6
4		Tổ dân phố 7
5	Xã Hà Môn	Thôn Thống Nhất
6	Xã Đăk La	Thôn 1
7	Xã Ngọc Wang	Thôn Kon Stui 2
8	Xã Ngọc Réo	Thôn Kon Rôn
9	Xã Đăk Ui	Thôn Đăk Kơ Đêm
10	Xã Đăk Ngọc	Thôn Đăk Bình
11	Xã Đăk Mar	Thôn 3
12	Xã Đăk Hring	Thôn Tân Lập A
13	Xã Đăk Long	Thôn Pa Cheng
14	Xã Đăk Pxi	Thôn Đăk Kơ Dương
X	Địa bàn huyện Đăk Glei	
1	Thị trấn Đăk Glei	Thôn 16/5
2		Thôn Đăk Xanh
3	Xã Đăk Nhoong	Thôn Đăk Nhoong
4	Xã Đăk Man	Thôn Măng Khen
5	Xã Đăk Môn	Thôn Broong Mỹ
6	Xã Đăk Blô	Thôn Bung Koong
7	Xã Đăk Kroong	Thôn Đăk Wák
8	Xã Ngọc Linh	Thôn Kung Rang
9	Xã Xốp	Thôn Xốp Diu
10	Xã Đăk Choong	Thôn Mô Mam
11	Xã Đăk Long	Thôn Pênh Blong
12	Mường Hoang	Thôn Làng Mới
13	Xã Đăk Pek	Thôn Măng Rao
XI	Địa bàn huyện Đăk Tô	
1	Thị trấn Đăk Tô	Khối 5
2		Khối 9
3	Xã Tân Cảnh	Thôn 1
4	Xã Diên Bình	Thôn 1
5	Xã Kon Đào	Thôn 6
6	Xã Ngọc Tụ	Thôn Đăk Nu
7	Xã Văn Lem	Thôn Tê Rông
8	Xã Đăk Trăm	Thôn Đăk Trăm
9	Xã Đăk Rơ Nga	Thôn Đăk Dé
10	Xã Pô Kô	Thôn Kon Tu Pêng
Tổng		161 Đội dân phòng